CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Ngày 30/06/2025	700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-**	**16.7%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	500 - 1,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15
Số lượng CPLH (CP)	21,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	860
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.09
EPS	-511
P/E	-1.4

DT thuần
Q2/25
3.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.30| 578%
YoY: ▼6.33| -62.1%

LN thuần
Q2/25
-2.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.18| 8.1%
YoY: ▲ 10.3| 83.6%

LN sau thuế
Q2/25
-2.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.21| 9.2%
YoY: ▲ 10.4| 83.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-52.8%
YoY: +/-▲ 344%

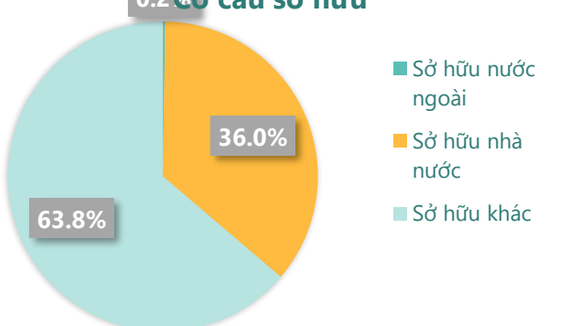
ROE (TTM)
Q2/25
-18.8%
YoY: +/-▲ 13.9%

DT thuần
6T 2025
4.43
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.27| -65.2%

LN thuần
6T 2025
-4.20
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.50| 69.4%

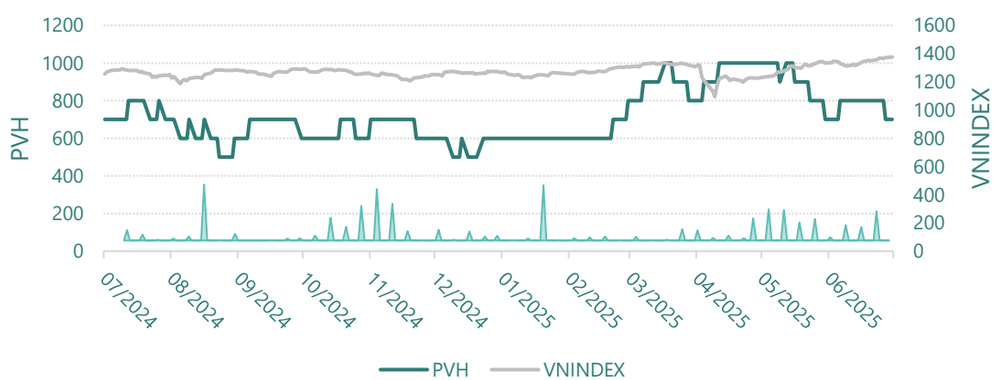
LN sau thuế
6T 2025
-4.29
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.51| 68.9%

Cơ cấu sở hữu

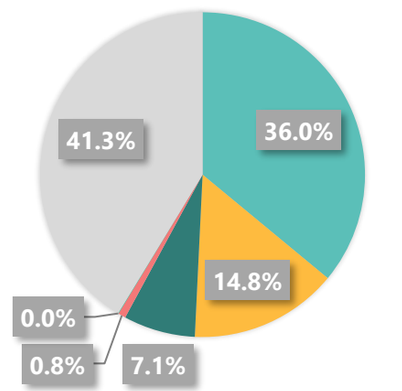


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

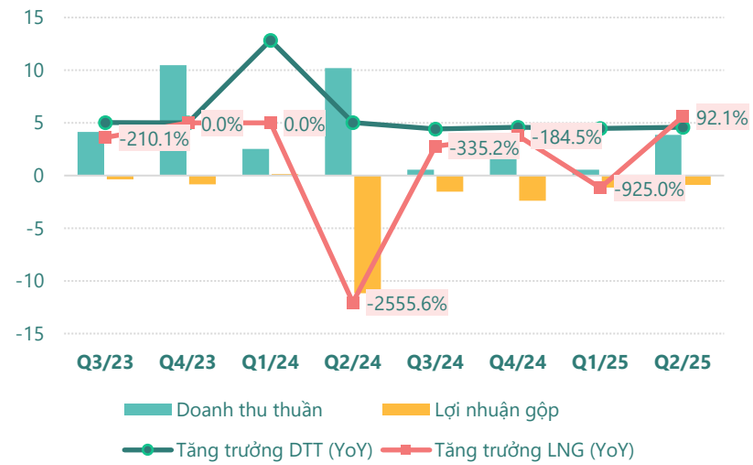


- Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam
- CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- CTCP Quản lý quỹ Leadvisors
- Lê Xuân Hoàng
- Nguyễn Trung Liêm
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

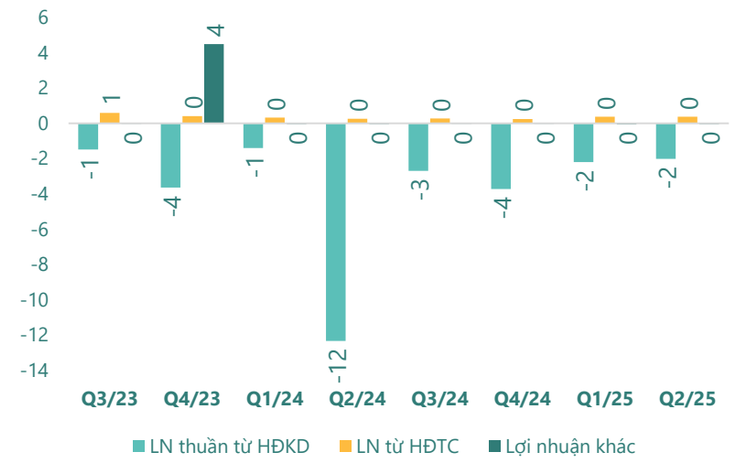
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



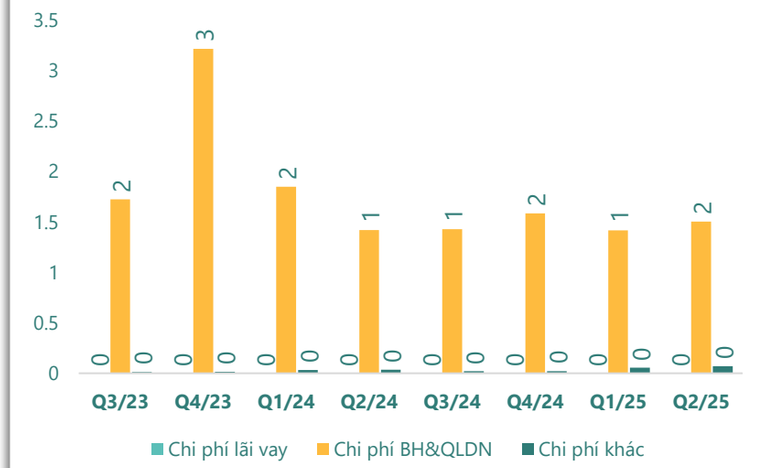
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



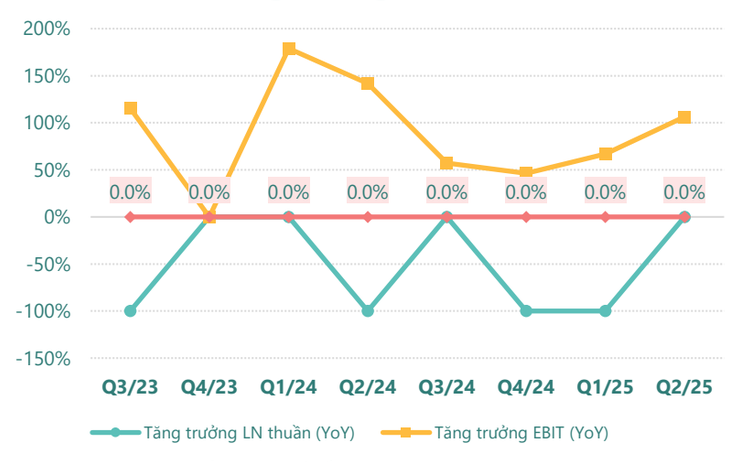
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



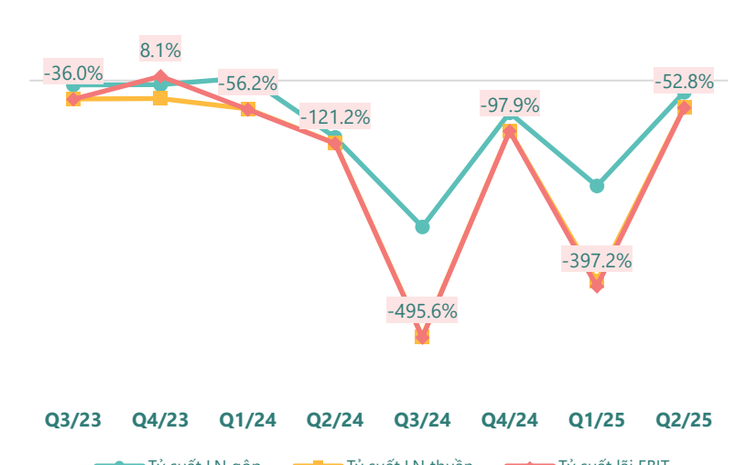
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



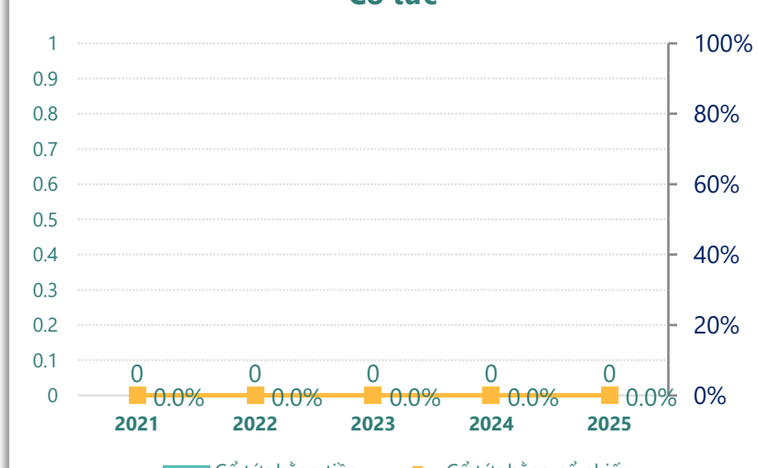
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

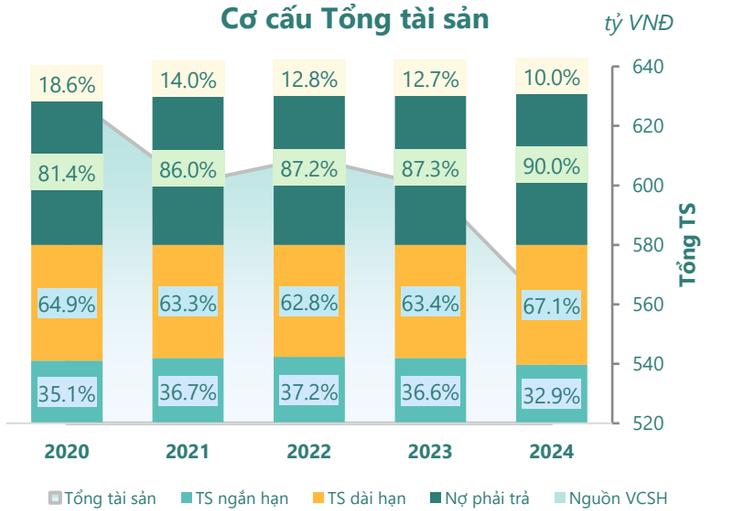
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

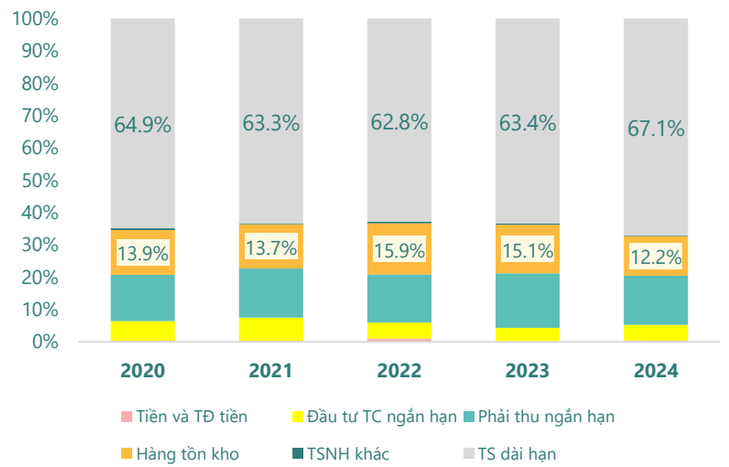
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



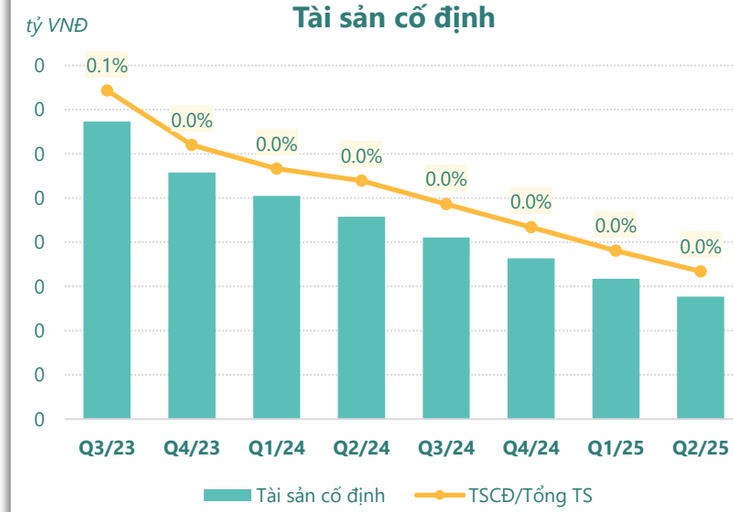
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



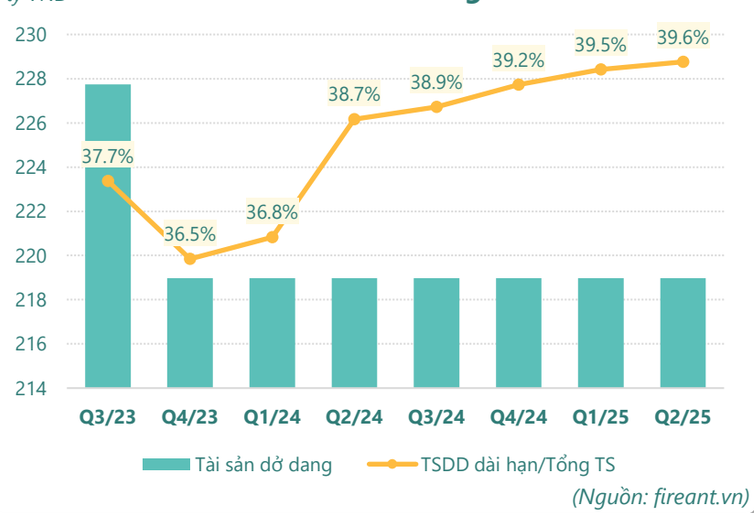
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



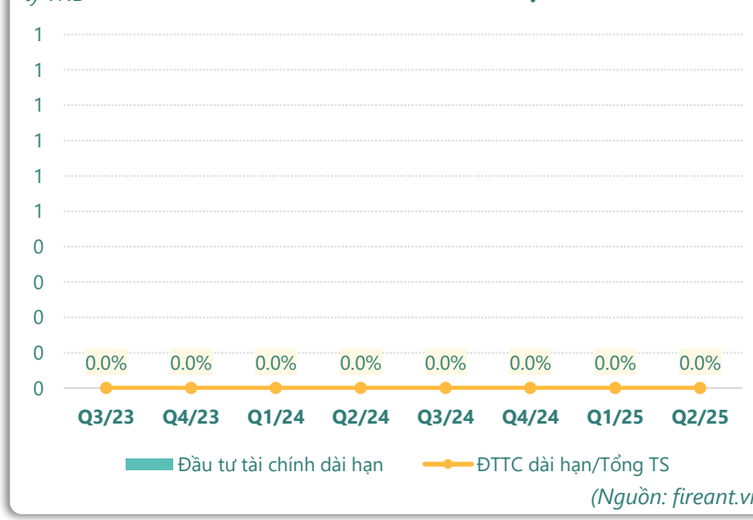
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



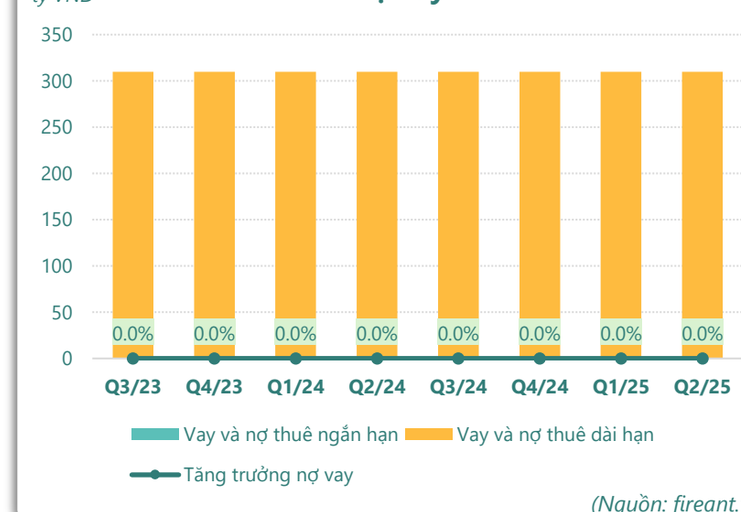
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

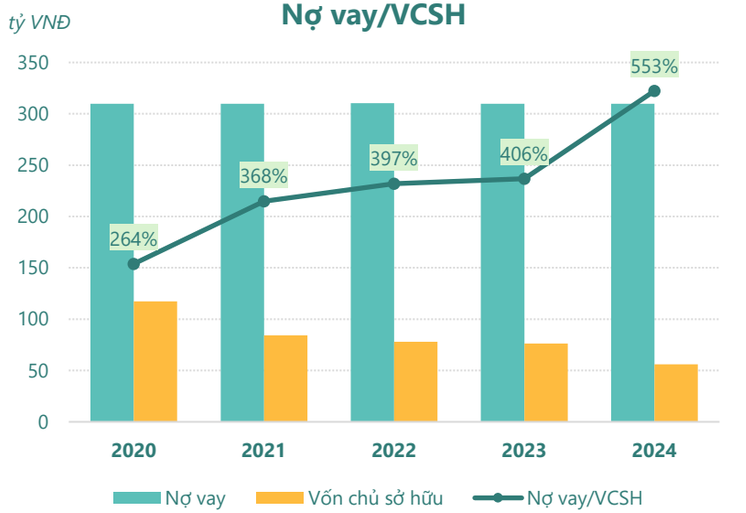
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

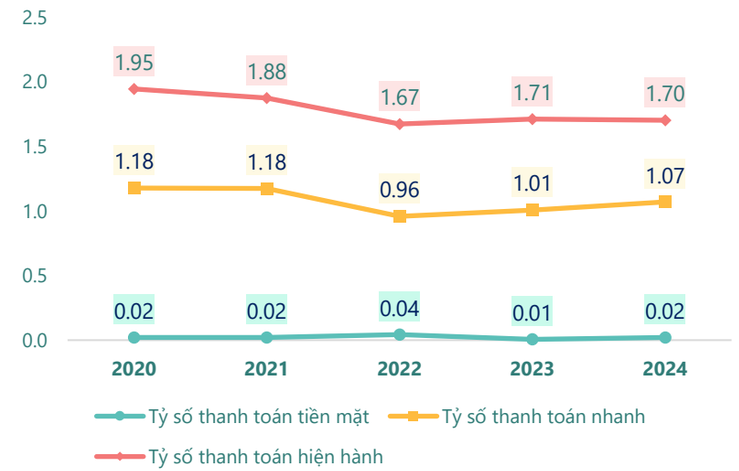
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



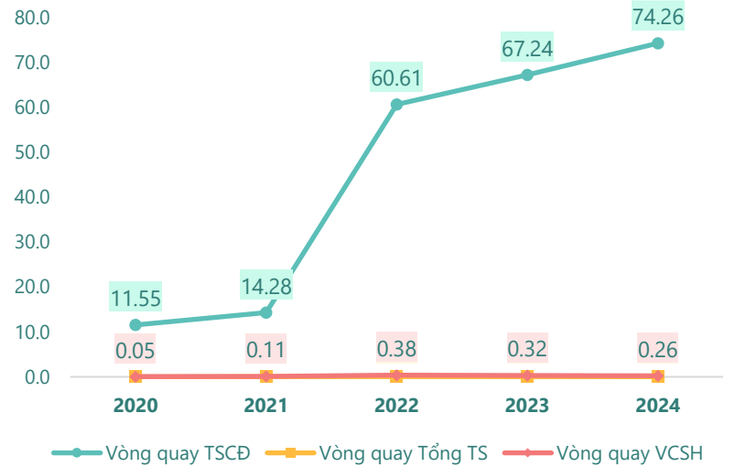
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



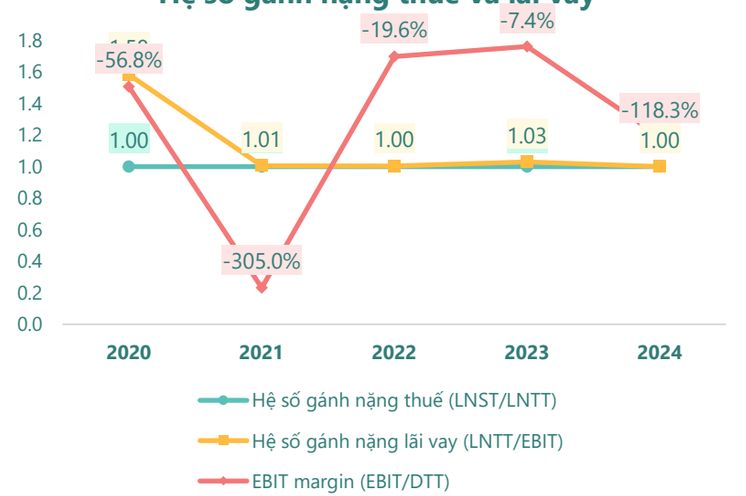
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



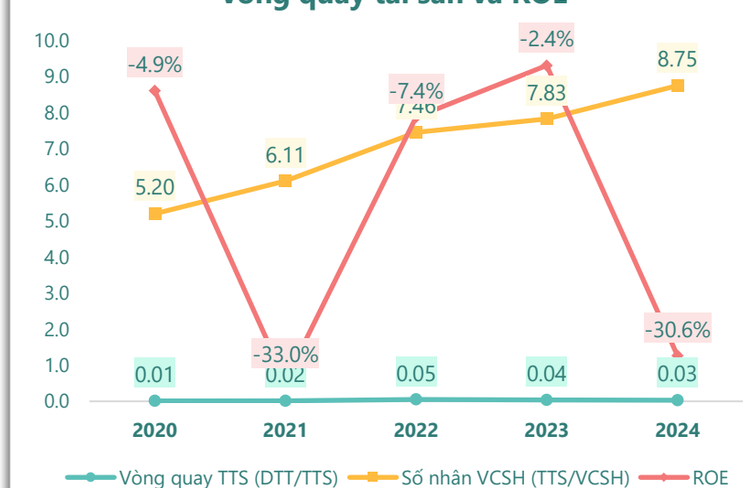
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



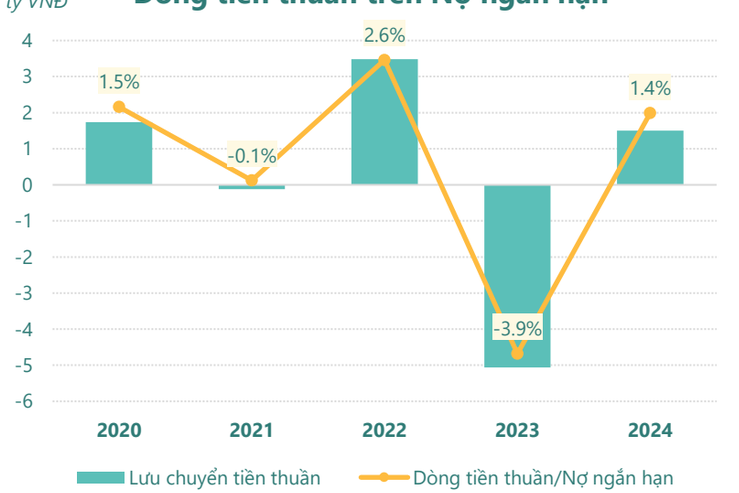
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3.87**	**10.2**	**-62.1%**	**4.43**	**12.7**	**-65.2%**
Giá vốn hàng bán	4.75	21.4	-77.8%	6.46	23.8	-72.8%
Lợi nhuận gộp	-0.88	-11.2	92.1%	-2.03	-11.0	81.6%
Doanh thu HĐTC	0.37	0.26	43.8%	0.75	0.58	29.0%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.14	0.00		0.14	0	
Chi phí QLDN	**1.36**	**1.42**	**-3.9%**	**2.78**	**3.27**	**-14.9%**
LN thuần từ HĐKD	-2.01	-12.3	83.6%	-4.20	-13.7	69.4%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**-0.03**	**-5.1%**	**-0.09**	**-0.07**	**-29.2%**
LN trước thuế	-2.04	-12.4	83.5%	-4.29	-13.8	68.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.04**	**-12.4**	**83.5%**	**-4.29**	**-13.8**	**68.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.04**	**-12.4**	**83.5%**	**-4.29**	**-13.8**	**68.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.41	-1.22	0.78	2.57	0.99	-2.57
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.50	0.69	0	-1.42	-1.49	2.81
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.78	0.88	0.36	1.14	2.28	1.79
Lưu chuyển tiền thuần	**0.09**	**-0.52**	**0.78**	**1.14**	**-0.50**	**0.24**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.88	0.36	1.14	2.28	1.79	2.03

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**553**	**558**	**-0.9%**
Tài sản ngắn hạn	180	184	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	2.03	2.28	-11.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.4	27.0	-2.2%
Phải thu ngắn hạn	81.6	84.9	-3.9%
Hàng tồn kho	67.9	68.2	-0.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.01	1.23	63.8%
Tài sản dài hạn	**373**	**375**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	105	106	-0.3%
Tài sản cố định	0.14	0.18	-23.7%
Bất động sản đầu tư	43.0	43.8	-2.0%
Tài sản dở dang	219	219	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**6.01**	**6.08**	**-1.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	502	502	-0.1%
Nợ ngắn hạn	**107**	**108**	**-0.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	15.9	16.3	-2.4%
Nợ dài hạn	394	394	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	310	310	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**51.8**	**56.1**	**-7.7%**
Vốn chủ sở hữu	**51.8**	**56.1**	**-7.7%**
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)